

Nghiên cứu sự điều chỉnh pháp lý quyền bình đẳng của phụ nữ trong lĩnh vực giáo dục, văn hóa và xã hội theo Công ước Cedaw và Luật Bình đẳng giới

Nguyễn Thị Quý*, Trương Quang Đức**

*ThS. Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai

**ThS. Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh

Received: 6/02/2024; Accepted: 15/02/2024; Published: 19/02/2024

Abstract: Gender equality in the economic, social, and cultural spheres is one of the most important human rights issues that must be guaranteed and fully implemented. In reality, Vietnamese women have made significant progress in achieving gender equality in the economic, social, and cultural spheres. However, there are still some challenges that need to be addressed. Through this article, we analyze and clarify the legal issues of gender equality for women in the economic, social, and cultural spheres under the CEDAW Convention and the Gender Equality Law.

Keywords: Equality rights; gender equality; women; economic and social spheres; culture.

1. Đặt vấn đề

Quyền bình đẳng (QBD) của phụ nữ (PN) trong lĩnh vực giáo dục, văn hóa và xã hội là một trong những nội dung cốt lõi của Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với PN (CEDAW) và Luật Bình đẳng (LBD) giới của Việt Nam. Đứng từ quyền con người, PN và nam giới đều có QBD trong các lĩnh vực giáo dục, văn hóa và xã hội. QBD thể hiện trên các lĩnh vực: học tập và đào tạo; việc làm và nghề nghiệp; tham gia hoạt động kinh tế; chăm sóc sức khỏe; trong văn hóa; trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội. Để thực hiện QBD của PN trong lĩnh vực kinh tế - xã hội và văn hóa, Việt Nam đã có nhiều nỗ lực, ban hành nhiều chính sách, pháp luật nhằm bảo đảm cho PN có cơ hội bình đẳng trong học tập, làm việc, tiếp cận các dịch vụ xã hội, tham gia quản lý nhà nước và xã hội.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Quyền bình đẳng của PN trong giáo dục, đào tạo và y tế

QBD của PN về y tế, giáo dục, đào tạo là một trong những nội dung cốt lõi của Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử chống lại PN (CEDAW). Theo Công ước này, PN có QBD với nam giới trong các lĩnh vực này, bao gồm:

Thứ nhất, về giáo dục và đào tạo, PN có quyền được hưởng thụ giáo dục bình đẳng với nam giới, ở tất cả các cấp học và trình độ. PN cũng có quyền được học tập các ngành nghề mà họ yêu thích và có năng lực. PN có quyền được tham gia các chương trình đào tạo và bồi dưỡng nghề nghiệp bình đẳng

với nam giới để phát triển các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết nhằm tham gia lao động và phát triển bản thân. PN cũng có QBD trong việc tiếp cận và hưởng thụ từ các chương trình đào tạo và phát triển nghề nghiệp. Điều này đảm bảo rằng PN có cơ hội tiếp cận các khóa học để phát triển kỹ năng và nâng cao năng lực của mình trong các lĩnh vực khác nhau. Quyền này cũng bao gồm QBD trong việc tham gia vào quyết định về các chương trình đào tạo và phát triển nghề nghiệp.

Trong lĩnh vực giáo dục, QBD của PN là một quyền quan trọng để thúc đẩy sự phát triển của PN và BGD. Giáo dục giúp PN nâng cao trình độ chuyên môn, vận dụng và phát triển kiến thức, kỹ năng, từ đó có thể tham gia tích cực vào các hoạt động xã hội, phát triển kinh tế. Tuy nhiên, trên thực tế, PN vẫn thường bị phân biệt đối xử trong lĩnh vực giáo dục. Ở nhiều nơi trên thế giới, tỷ lệ nữ giới đi học thấp hơn nam giới, đặc biệt là ở các cấp học cao hơn. PN cũng thường phải đối mặt với các định kiến giới trong giáo dục, chẳng hạn như bị kỳ thị khi theo học các ngành nghề không truyền thống.

Trong lĩnh vực đào tạo QBD của PN là một quyền cần thiết để giúp PN phát triển trình độ chuyên môn, các kỹ năng nghề cần thiết để hòa nhập thị trường lao động tự giác và phát triển bản thân. Tuy nhiên, trên thực tế, PN vẫn thường bị phân biệt đối xử trong lĩnh vực đào tạo. Ở nhiều nơi trên thế giới, PN thường ít có cơ hội tham gia các chương trình đào tạo và bồi dưỡng nghề nghiệp, đặc biệt là các chương trình đào tạo kỹ năng cao. PN cũng thường bị đối xử hạn chế

về các cơ hội ở các cơ sở đào tạo, chẳng hạn như bị phân biệt đối xử trong việc tuyển sinh, đào tạo.

Cụ thể hóa Công ước CEDAW, LBĐ giới mới nhất đã có những qui định cụ thể về bình đẳng giới (BDG) trong giáo dục, đào tạo. BDG trong giáo dục và đào tạo là một khía cạnh cơ bản của LBĐ giới. LBĐ giới quy định không có sự phân biệt giới tính trong việc đăng ký và tiếp cận giáo dục. Điều này giúp cho cả nam giới và nữ giới đều có quyền tiếp cận đầy đủ các cấp học, từ mầm non đến đại học và các hình thức đào tạo khác. BDG đảm bảo rằng cả nam và nữ đều có quyền lợi và cơ hội bình đẳng trong quá trình học tập. Điều này bao gồm quyền truy cập vào tài liệu giảng dạy, phòng thí nghiệm, thư viện và các nguồn tài nguyên khác một cách công bằng. Ngoài ra, việc chấm điểm, thăng tiến và nhận xét cũng phải dựa trên năng lực và đóng góp cá nhân, không bị ảnh hưởng bởi giới tính. BDG trong đào tạo và phát triển nghề nghiệp đảm bảo rằng cả nam và nữ có quyền hưởng lợi từ các chương trình đào tạo, huấn luyện và thực tập. Điều này bao gồm việc không có sự phân biệt đối xử trong việc tuyển chọn, thăng tiến và truy cập vào các ngành nghề và vị trí công việc. Học tập là quyền và nghĩa vụ của công dân. Mọi công dân đều bình đẳng về cơ hội học tập^[1] Những thiên chức của người PN (mang thai, sinh con, nuôi con bằng sữa mẹ) đã gây những bất lợi cho việc học tập của PN. Thêm vào đó những qui định không nhất quán về độ tuổi giữa nam và nữ đã làm giảm đi cơ hội học tập của PN. Để khắc phục tình trạng đó, nguyên tắc BDG trong quyền được học tập bao gồm cả ba loại qui định: Nam, nữ bình đẳng; chính sách bảo vệ và hỗ trợ người mẹ; giải pháp thúc đẩy BDG.

Thứ hai, về y tế, PN có QBD về các dịch vụ y tế với nam giới, bao gồm các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và sức khỏe tình dục. PN cũng có quyền được bảo vệ khỏi các bệnh lây truyền qua đường tình dục và HIV/AIDS. PN có QBD trong việc thụ hưởng từ dịch vụ y tế. Quyền này bao gồm quyền nhận được chăm sóc y tế cần thiết, bao gồm cả chăm sóc tiền sản, chăm sóc sức khỏe sinh sản và chăm sóc y tế tổng quát. Ngoài ra, PN có quyền tham gia vào quyết định về sức khỏe của mình, được tư vấn và thông tin y tế đầy đủ để có thể đưa ra quyết định đúng đắn nhất cho sức khỏe của bản thân.

Trong lĩnh vực y tế QBD của PN là một quyền cơ bản của con người, là điều kiện cần thiết để bảo đảm sức khỏe và hạnh phúc của PN. Tuy nhiên, trên

thực tế, PN vẫn thường bị thiếu hụt trong tiếp cận các dịch vụ y tế. Ở nhiều nơi trên thế giới, PN vẫn phải đối mặt với tình trạng thiếu hụt các dịch vụ y tế, đặc biệt là các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và sức khỏe tình dục. Vẫn còn tình trạng PN bị đối xử hạn chế về mặt giới trong các cơ sở y tế, chẳng hạn như bị từ chối khám chữa bệnh, bị phân biệt đối xử trong việc tiếp cận các phương pháp điều trị.

Trong lĩnh vực y tế, Công ước CEDAW đã có một sự liên hệ đặc biệt với vấn đề thực hiện kiểm soát sinh con ở các quốc gia thành viên, theo đó, cả PN và nam giới đều được tự nguyện lựa chọn việc kiểm soát sinh con của gia đình của họ. Như vậy, bất kì một luật lệ nào gây ra sự hạn chế PN trong tiếp cận với vấn đề kế hoạch hóa gia đình hoặc với các điều kiện thuận lợi về y tế sẽ bị coi là vi phạm công ước. Sở dĩ Công ước CEDAW có sự ghi nhận như trên về bình đẳng của PN trong lĩnh vực y tế vì ước tính hàng năm, tỷ lệ PN bị chết vì các lí do liên quan đến mang thai và sinh con chiếm phân nửa trong số PN tử vong. Việc Công ước CEDAW xác định PN được chăm sóc đặc biệt trong thời kì mang thai và cho con bú là góp phần bảo vệ và chăm sóc PN. Do đó, việc dựa vào lí do mang thai hay vì sinh con để hạn chế hoặc làm ảnh hưởng đến quyền có việc làm, quyền được cất nhắc, bổ nhiệm vào các vị trí công tác hoặc sa thải lao động nữ là hành vi không thể chấp nhận được, đi ngược lại giá trị đạo đức và quyền con người cơ bản của PN đã được ghi nhận trong Luật Quốc tế về quyền con người cũng như trong Công ước CEDAW này.

Cốt lõi trong việc xây dựng một xã hội công bằng và phát triển là thực hiện tốt QBD của PN trong các vấn đề về y tế, giáo dục và đào tạo. Điều này đòi hỏi sự cam kết từ phía chính phủ, cơ quan chức năng và cả xã hội để đảm bảo tạo ra môi trường không phân biệt đối xử và công bằng. Cần đầu tư vào hạ tầng y tế và giáo dục để PN tham gia và tiếp cận các dịch vụ cùng cơ hội tốt hơn. Đồng thời, cần tăng cường giáo dục và nhận thức về QBD giới trong các lĩnh vực này để xóa bỏ những rào cản và định kiến giới tính.

2.2. Quyền bình đẳng trong lĩnh vực văn hóa, xã hội và việc làm

Kinh tế là cơ sở của các vấn đề văn hóa, xã hội. Trong các gia đình Việt Nam hiện tại, kinh tế và lợi ích của gia đình được coi là của chung, các thành viên đều được hưởng thụ, không phân biệt nam hay nữ. Pháp luật Việt Nam quy định, PN có QBD như nam giới trong các quan hệ tín dụng và tài sản. Ở nông thôn, PN là lực lượng lao động chiếm 50,8%

1. Điều 59, 63 Hiến pháp 2013; Điều 10 Luật Giáo dục 2019

dân số và 51,3% lực lượng lao động ở nông thôn Việt Nam thì trong những năm qua, nhà nước đang có nhiều cố gắng lớn trong việc loại bỏ khoảng cách giới cũng như cách biệt giữa nông thôn và thành thị để tạo điều kiện vừa xóa đói giảm nghèo, vừa để PN nông thôn được hưởng thụ những giá trị về văn hóa, xã hội từ sự phát triển kinh tế nông thôn. Với sự triển khai thực hiện qui chế dân chủ cơ sở một cách sâu rộng trên qui mô toàn quốc, PN ở các vùng nông thôn đã được quyền tham gia trực tiếp vào xây dựng kế hoạch phát triển của địa phương. Từ đó góp phần quan trọng để PN nghèo phát triển kinh tế gia đình, đem lại thay đổi cơ bản, toàn diện về kinh tế, văn hóa và xã hội cho đời sống của PN nông thôn Việt Nam. Về văn hóa cần thúc đẩy hình ảnh PN tích cực trong các phương tiện thông tin đại chúng. Đồng thời xóa bỏ định kiến giới trong lĩnh vực văn hóa, truyền thống và tập quán.

Theo Điều 11 của CEDAW, PN có QBD với nam giới trong các lĩnh vực sau: Cơ hội việc làm; Lương bổng và phúc lợi xã hội; Tự do lựa chọn nghề nghiệp; Bảo vệ khỏi những xâm hại, nhất là tình trạng bị quấy rối tình dục tại nơi làm việc.

Ở Việt Nam, LBD giới năm 2006 cũng ghi nhận các QBD của PN trong lĩnh vực lao động, việc làm. Cụ thể, Điều 12 của Luật quy định: PN có QBD với nam giới trong việc làm, bao gồm quyền được làm việc, tự do lựa chọn nghề nghiệp, việc làm, được hưởng điều kiện lao động bình đẳng, được đối xử bình đẳng trong việc đào tạo, tuyển dụng, sử dụng lao động, tiền lương, tiền công, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, nghỉ hưu, nghỉ thai sản, nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau thai sản, nghỉ ốm đau, điều kiện làm việc và các quyền khác theo quy định của pháp luật. PN có QBD với nam giới trong việc đảm nhận các chức danh, vị trí lãnh đạo trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

PN và nam giới đều có QBD trong việc làm, bao gồm quyền được lao động, tự do lựa chọn nghề nghiệp, được hưởng thụ điều kiện lao động bình đẳng, được đối xử bình đẳng trong việc đào tạo, tuyển dụng, sử dụng lao động, tiền lương, tiền công, bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp, nghỉ hưu, nghỉ thai sản, nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau thai sản, nghỉ ốm đau, điều kiện làm việc và các quyền khác theo quy định của pháp luật. Về lương bổng và phúc lợi xã hội, PN và nam giới có quyền được hưởng lương bổng và phúc lợi xã hội bình đẳng. PN và nam giới đều có quyền tự do lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực, sở thích và nguyện vọng của mình.

Ngoài ra, PN có quyền được bảo vệ khỏi những xâm hại, đặc biệt là thực trạng bị quấy rối tình dục tại nơi làm việc.

3. Kết luận

BDG là một nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam, được ghi nhận trong Hiến pháp và các văn bản pháp luật khác. Công ước CEDAW và LBD giới là những văn bản pháp luật quan trọng, đóng vai trò thiết yếu trong việc thúc đẩy BDG trong lĩnh vực giáo dục, văn hóa và xã hội. Việc điều chỉnh pháp lý QBD của PN theo CEDAW và LBD giới là cần thiết để thực hiện các quyền cơ bản của PN, góp phần thúc đẩy sự phát triển bình đẳng và toàn diện của xã hội. Các quốc gia triển khai LBD giới là khâu then chốt trong việc đảm bảo QBD cho PN, tạo ra cơ sở pháp lý cho việc thúc đẩy QBD của PN và chứng tỏ rằng các quốc gia thành viên tuân thủ nghiêm túc các nguyên tắc của CEDAW.

Tuy nhiên, mặc dù đã có những tiến bộ đáng kể, song vẫn còn nhiều thách thức trong việc thực hiện QBD của PN trong lĩnh vực giáo dục, văn hóa và xã hội. Sự phân biệt đối xử và bất bình đẳng vẫn tồn tại, đặc biệt là đối với PN ở các vùng nông thôn, tộc người thiểu số và tầng lớp nghèo. Cần có sự phát triển hơn nữa về việc thực thi và tuân thủ các quy định pháp lý, cung cấp các chính sách hỗ trợ và tạo ra môi trường thuận lợi để PN tham gia vào các lĩnh vực giáo dục, văn hóa và xã hội.

Tài liệu tham khảo

1. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, NXB Tư pháp, Hà Nội.
2. Quốc hội (2006), *LBD giới*, NXB Chính trị Quốc gia sự thật, Hà Nội.
3. Quốc hội (2020), *Luật doanh nghiệp*, NXB Chính trị Quốc gia sự thật, Hà Nội.
4. Quốc hội (2019), *Luật giáo dục*, NXB Chính trị Quốc gia sự thật, Hà Nội.
5. Quốc hội (2019), *Bộ luật Lao động*, NXB Lao động, Hà Nội.
6. Công ước của Liên Hợp Quốc (1979), Xóa bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử chống lại PN” (Convention on the Elimination of all forms of Discrimination against Women) đã được Đại hội đồng Liên hợp quốc phê chuẩn ngày 18/12/1979, Hà Nội.
7. Nguyễn Hương Quế (2021), Công ước Cedaw và vấn đề thực thi BDG tại Việt Nam, <https://truongchinhtri.baria-vungtau.gov.vn/article?item=3847a969fc15a8b5cc8f982974a5e1fa>, truy cập ngày 15/12/2023.